

Hoán dụ ý niệm về sự sống: Bộ phận thay cho toàn thể (khảo sát trên một số trang báo điện tử của Việt Nam)

Phạm Thị Hương Quỳnh*

Tóm tắt: Sự sống và cái chết là những phạm trù cơ bản, có tính phổ quát trong cuộc sống con người. Đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu đề cập đến ý niệm về cái chết; tuy nhiên chưa có nhiều nghiên cứu quan tâm đến vấn đề ý niệm về sự sống, đặc biệt là các nghiên cứu tiếp cận từ góc độ hoán dụ ý niệm. Sự sống ở đây được hiểu là sự sinh tồn của cơ thể sinh học con người. Chính vì thế, bài viết này tập trung nghiên cứu về hoán dụ ý niệm về sự sống bộ phận thay cho toàn thể. Khảo sát được thực hiện trên 100 bài viết thu thập ngẫu nhiên trên các trang báo điện tử chính thống của Việt Nam. Kết quả khảo sát cho thấy có những dụ dẫn hoán dụ điển hình thường được dùng để tri nhận về sự sống là bốn dấu hiệu sinh tồn cơ bản gồm hoạt động của tim, hoạt động hô hấp, hoạt động của mạch, phản xạ của cơ thể.

Từ khóa: hoán dụ ý niệm; sự sống; cái chết; ngôn ngữ học tri nhận; ẩn dụ ý niệm.

Ngày nhận 26/7/2024; ngày chỉnh sửa 08/11/2024; ngày chấp nhận đăng 30/12/2024

DOI: <https://doi.org/10.33100/tckhxnvn10.6.PhamThiHuongQuynh>

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu về ngôn ngữ học tri nhận đang là một xu hướng được nhiều nhà Việt ngữ học quan tâm trong những năm gần đây. Về bản chất, ngôn ngữ học tri nhận liên quan đến các quá trình tâm lí trong việc tiếp nhận và sử dụng ngôn ngữ. Vì vậy, nghiên cứu tri nhận liên quan đến các quá trình tinh thần, nhờ đó mà con người hiểu biết về các sự vật hiện tượng trong cuộc sống. Quá trình tư duy gồm có các hoạt động tâm trí như sản sinh và lĩnh hội ngôn ngữ. Chính vì vậy, nghiên cứu về ngôn ngữ học tri nhận là nghiên cứu về quá trình ngôn ngữ diễn ra trong tâm trí con người. Hoán dụ ý niệm là một phương thức tư duy để con người tiếp nhận thế giới xung quanh thông qua quan hệ tương cận và nổi trội. Con người tiếp nhận thế giới qua những trải nghiệm cá nhân trong bầu không khí văn hóa dân tộc. Mỗi

một dân tộc sẽ có những bản sắc văn hóa riêng và trải nghiệm của chúng ta sẽ mang dấu ấn văn hóa của dân tộc mình. Những dấu ấn ấy chi phối đến cách chúng ta suy nghĩ, tư duy. Hoán dụ ý niệm là một phương thức để cấu trúc hóa tư duy và hoạt động tinh thần của chúng ta.

Hai phạm trù sự sống và cái chết thường phổ biến trong lối suy nghĩ của con người. Con người sống trong thế giới hữu hạn và chịu sự chi phối của qui luật sinh – lão – bệnh – tử, vì vậy mà sự sống và cái chết luôn là một mối quan tâm thường trực. Bài viết tập trung làm rõ hoán dụ ý niệm về sự sống là bộ phận thay cho toàn thể, dữ liệu khảo sát gồm 100 bài báo trên các trang báo điện tử của Việt Nam. Cụ thể là các trang báo: soyte.hatinh.gov.vn, tuoitre.vn, nld.com.vn, vietnamnet.vn, chuyennnguyenthienthanh.edu.vn, vtv.vn, tamanhhospital.vn, laodong.vn, v.v.. Các chuyên mục được tập trung tìm tư liệu là tin tức, sức khỏe, phổ biến kiến thức, chia sẻ, v.v.. Các bài viết được lựa chọn khảo sát

* Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; email: hqp2000@gmail.com

được đăng tải trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2024. Đây là những trang báo, trang thông tin của báo điện tử chính thống của Việt Nam. Tức là những trang báo đăng tải các tin tức về tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước hoặc các trang điện tử của các cơ quan đơn vị của nhà nước Việt Nam. Đóng góp mới của bài viết là đã khảo sát về ý niệm sự sống (sự sống với ý nghĩa sinh tồn) từ góc độ hoán dụ ý niệm trên tư liệu là các trang báo điện tử. Hoán dụ ý niệm là một địa hạt cần được quan tâm chú ý của giới tri nhận luận trong tương lai.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu về hoán dụ ý niệm

2.1. Tình hình nghiên cứu về hoán dụ ý niệm trên thế giới

Nghiên cứu về hoán dụ ý niệm trên thế giới được đánh dấu từ công trình *Metaphor we live by* của tác giả Lakoff và Johnson năm 1980. Công trình này đã chỉ ra rằng hoán dụ ý niệm không phải là một biện pháp tu từ có chức năng làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt mà nó là một phương thức tư duy. Trên thế giới, nghiên cứu về hoán dụ tập trung ở ba hướng cơ bản. Thứ nhất là những nghiên cứu về khái niệm, bản chất của hoán dụ ý niệm. Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này là công trình nghiên cứu của các tác giả Lakoff và cộng sự (1980), Radden-Kovecses (1999), Kövecses (2002), Littlemore (2015), Wachowski (2019), v.v..

Hướng thứ hai đặt ra vấn đề so sánh giữa ẩn dụ ý niệm và hoán dụ ý niệm. Thực ra, ngay trong những công trình như *Metaphor we live by* của Lakoff và cộng sự (1980) hay Kövecses (2002), những so sánh giữa hai phương thức tư duy này đã được đề cập đến. Radden-Kovecses (1999) phân biệt ẩn dụ ý niệm có A và B là hai thực thể thuộc hai miền ý niệm còn hoán dụ ý niệm thì A và B

tập trung ở cùng một miền ý niệm. Trong một số công trình khác như Pörings và cộng sự (2003) (2009), Marianna và cộng sự (2019), ủng hộ ý tưởng bao quát rằng ẩn dụ ý niệm và hoán dụ ý niệm đóng vai trò trung tâm trong nhận thức của con người và chúng bám sâu vào các mô hình trải nghiệm cơ thể.

Hướng nghiên cứu thứ ba tập trung vào việc khảo sát các hoán dụ ý niệm biểu đạt qua ngôn từ. Điều thú vị là các địa hạt được khảo sát bao gồm cả trong ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ văn chương. Có thể kể đến các nghiên cứu sau: Matzner (2016), trong công trình *Rethinking Metonymy Literary Theory and Poetic Practice from Pindar to Jakobson*. Đây cũng là một trong những công trình tập trung nghiên cứu về hoán dụ. Nó phát triển một định nghĩa mới mang tính đột phá về hoán dụ như một phương thức tư duy trên cơ sở khảo sát các ví dụ trong bi kịch và thơ trữ tình Hy Lạp; Thơ cổ điển và thơ lãng mạn Đức, v.v.. Phạm Thị Hương Quỳnh và cộng sự (2024) đã công bố nghiên cứu hoán dụ ý niệm về dịch bệnh COVID 19 với tư liệu khảo sát là trên các trang báo điện tử của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy phương thức tư duy hoán dụ ý niệm về dịch bệnh COVID 19 được dựa trên sự trải nghiệm và vốn văn hóa của con người. Ngoài ra còn có nghiên cứu của Al-Sharafi (2004), khảo sát hoán dụ ý niệm trong văn bản từ góc độ kí hiệu học, v.v..

2.2. Tình hình nghiên cứu về hoán dụ ý niệm ở Việt Nam

Tại Việt Nam hiện nay có hai hướng nghiên cứu chính về hoán dụ ý niệm. Thứ nhất là hướng nghiên cứu cơ sở lí luận về ngôn ngữ học tri nhận, trong đó có lý thuyết về hoán dụ ý niệm. Ở hướng này có thể kể đến các tác giả là Trần Văn Cơ, Lý Toàn Thắng, Nguyễn Đức Dân, Diệp Quang Ban, v.v.. Điểm chung của các tác giả là đã đưa lý thuyết hoán dụ ý niệm vào Việt Nam, hoán dụ không phải là một biện pháp tu từ mà là một phương thức tư duy bên cạnh ẩn dụ ý niệm.

Hướng nghiên cứu thứ hai tại Việt Nam là ứng dụng lý thuyết hoán dụ ý niệm vào tìm hiểu và khảo sát trong ngôn ngữ, có thể là ở ngôn ngữ đời thường, ngôn ngữ văn chương hoặc ngôn ngữ trong các văn bản thông tin báo chí. Hướng nghiên cứu này thông qua phương thức tư duy hoán dụ để tìm hiểu về cách nghĩ của người Việt, ví dụ như cách tư duy lấy bộ phận chỉ toàn thể, khảo sát kết cấu của những dụ dẫn hoán dụ, xây dựng các mô hình hoán dụ ý niệm. Tiêu biểu cho hướng này là công trình của những tác giả như Nguyễn Ngọc Vũ (2008), (2009); Trần Trung Hiếu (2012); Lê Cao Thắng (2017); Nguyễn Thị Hiền (2017); Phan Thị Hồng Hà (2020); Nguyễn Ngọc Vũ (2009), Tạ Thanh Tân (2012), Liêu Thị Thanh Nhân (2017), v.v.. Năm 2021, Phạm Thị Hương Quỳnh với bài viết “Hoán dụ ý niệm về cái chết” đã chỉ ra các nguyên tắc của hoán dụ ý niệm đồng thời kết quả khảo sát đã cho thấy hoán dụ ý niệm thường được dùng để tri nhận về cái chết là vật chứa đựng thay cho vật bị chứa, địa điểm thay cho sự kiện, bộ phận thay cho toàn thể. Như vậy, nghiên cứu về hoán dụ ý niệm thực sự là một địa hạt thú vị. Thông qua việc điểm luận những nghiên cứu liên quan, tác giả thấy rằng, nghiên cứu về hoán dụ ý niệm ở phạm trù sự sống là một khoảng trống còn đề ngỏ. Chính vì thế, bài viết là sự tiếp nối đường hướng nghiên cứu về tri nhận luận nói chung và làm đầy thêm những nghiên cứu về hoán dụ ý niệm nói riêng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp miêu tả và phương pháp nghiên cứu định lượng để tìm hiểu cơ sở lý luận và khảo sát tư liệu. Phương pháp miêu tả được dùng để miêu tả những vấn đề lý luận liên quan đến hoán dụ ý niệm bộ phận thay cho toàn thể. Miêu tả mô hình chiếu xạ giữa hai miền bộ

phận, toàn thể. Phương pháp nghiên cứu định lượng được áp dụng để lượng hóa các biểu thức ngôn từ hoán dụ. Thông qua kết quả định lượng này có thể nhận diện được các thuộc tính tiêu biểu thường được dùng để nhận diện về sự sống. Qua đó có thể khái quát được dấu hiệu điển hình và không điển hình trong quá trình phân tích.

Đóng góp mới của nghiên cứu là trình bày những nét khái quát về khái niệm hoán dụ ý niệm, sự phân loại hoán dụ ý niệm. Từ gợi dẫn của lý thuyết, nghiên cứu đã khảo sát hoán dụ ý niệm bộ phận thay cho toàn thể biểu đạt về sự sống (từ góc độ sinh học) và thu được bốn dấu hiệu sinh học cơ bản thường được dùng để tri nhận cho ý niệm sống là hoạt động của tim, hoạt động hô hấp, hoạt động của mạch, phản xạ của cơ thể. Tư liệu được khảo sát là 100 bài báo trên các trang báo điện tử chính thống của Việt Nam.

4. Hoán dụ ý niệm

4.1. Khái niệm

Hoán dụ ý niệm là “chúng ta sử dụng một bản thể này để chỉ một bản thể khác có mối liên hệ đến nó” (Trần Văn Cơ 2011: 204). Kovecses (2010: 172) nêu lên một định nghĩa rằng “Chúng ta tư duy trực tiếp về thực thể này thông qua thực thể khác có liên quan đến nó, nói một cách khác, thay vì đề cập trực tiếp đến thực thể thứ hai, chúng ta lại hướng thể giới tinh thần của mình để tri nhận về thực thể thứ nhất”. Nếu gọi bản thể thứ nhất là A và bản thể thứ hai là B thì giữa A và B có mối liên hệ với nhau. Nghĩa là A, B luôn đi liền với nhau khiến cho con người ta nhìn thấy B là tri nhận đến A. Ví dụ như phát ngôn: Nó thích *đọc Nguyễn Nhật Ánh* hơn cả. Trong biểu thức ngôn từ này, *Nguyễn Nhật Ánh* là một dụ dẫn hoán dụ. Trong thực tế cuộc sống, đó là một

nhà văn, “thích đọc Nguyễn Nhật Ánh” là thích đọc những tác phẩm do Nguyễn Nhật Ánh viết. Rõ ràng, trong trường hợp này, phương thức tư duy hoán dụ đã được dùng để diễn đạt. Con đường tri nhận hoán dụ này diễn ra như sau:

Những tác phẩm là sáng tác của Nguyễn Nhật Ánh là thực thể A.

Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh là thực thể B.

Động từ “đọc” cho thấy hoạt động tạo ra mối quan hệ giữa A và B.

Như vậy mỗi khi chúng ta nhắc đến B là chúng ta lại tri nhận đến A.

Đó chính là con đường tư duy của hoán dụ ý niệm người sản xuất thay cho sản phẩm.

“Quan hệ giữa vật thay thế (A) và vật được thay thế (B) dựa trên việc chúng thường xuyên gắn liền với nhau trong thực tế. Sự chiếu xạ giữa A và B luôn luôn thuận chiều. Có thể mô hình hoá quá trình chiếu xạ của hoán dụ ý niệm là:

A là vật thay thế

B là vật được thay thế

Giữa A và B có mối quan hệ tương cận. Quá trình thay thế diễn ra như sau: A sẽ là đặc điểm nổi trội nhất trong mối quan hệ tương cận với B nên nó có thể thay thế cho B trong tư duy của con người” [Phạm Thị Hương Quỳnh và cộng sự. 2024: 1724].

Hoán dụ ý niệm là một phương thức tư duy bên cạnh ẩn dụ ý niệm. Phân biệt giữa hoán dụ ý niệm và ẩn dụ ý niệm, tác giả Trần Văn Cơ (2011: 206) cho rằng: “Ẩn dụ trước hết là phương thức nhận thức sự vật này trong thuật ngữ của sự vật khác và do đó chức năng cơ bản của nó là bảo đảm cho sự thông hiểu. Mặt khác, hoán dụ có chức năng cơ bản là chức năng quy chiếu, nghĩa là nó cho phép một bản thể này thay thế cho bản thể khác”.

4.2. Phân loại hoán dụ ý niệm

Nhìn chung, các nhà tri nhận luận nêu lên các hoán dụ ý niệm cơ bản giống nhau, Trần Văn Cơ (2011: 208-211) đã tổng hợp các hoán dụ ý niệm như sau:

(1) Bộ phận thay cho toàn thể

Ví dụ: Chúng tôi cần *một đôi tay khéo léo* vì công việc này không dễ làm.

Đôi tay là một bộ phận của cơ thể, *đôi tay khéo léo* chính là một biểu thức ngôn từ hoán dụ biểu đạt thay thế cho một con người. Phẩm chất cần ở con người này là sự khéo léo. Lấy đôi tay để tri nhận về người thợ lành nghề. Vậy đây chính là một dụ dẫn của hoán dụ ý niệm.

(2) Người sản xuất thay cho sản phẩm

Ví dụ:

A: Hoàng mua xe ô tô gì vậy? Có phải mua *Hon da* không?

B: Nó không mua *Honda*, nó mua *Kia*.

Trong diễn ngôn hội thoại này, *Honda*, *Kia* là những hãng xe ô tô, đó là nhà sản xuất. Trong lời nói của A và B có phương thức tư duy lấy tên gọi của nhà sản xuất để gọi tên cho sản phẩm. Bởi vì những thương hiệu này vốn dĩ rất quen thuộc trong tâm trí mọi người nên chỉ cần nhắc đến tên nhà sản xuất là chúng ta nghĩ ngay đến sản phẩm của nhà sản xuất đó.

(3) Khách thể được sử dụng thay người sử dụng

Ví dụ: *Cây ghi-ta ấy* không còn ở trong ban nhạc nữa.

Ghi-ta là một loại nhạc cụ gắn liền với nhạc công. Trường hợp này, cây ghi ta chính là vật dụng dùng để thay thế khi tri nhận đến người chuyên chơi nhạc cụ đó. Cho nên khi phát ngôn “*Cây ghi – ta đã không còn ở ban nhạc nữa*” là quy chiếu tới việc người nhạc công chơi ghi - ta đã rời đi, không còn ở lại nữa. Vậy đây chính là trường hợp lấy khách thể sử dụng thay cho người sử dụng.

Đám taxi đi ẩu quá.

Taxi là một loại phương tiện chuyên chở khách. Bản thân chiếc xe taxi sẽ luôn lệ thuộc vào người lái. Chính vì vậy, taxi là khách thể được người lái sử dụng. Trên thực tế, người lái xe đi ẩu và để tri nhận một cách ngắn gọn, chúng ta quy chiếu từ vật dụng đến người sử dụng.

(4) Người điều khiển thay cho cái bị điều khiển

Ví dụ:

Putin đã tấn công Ukraina.

Putin là người đứng đầu nước Nga, quân đội nằm dưới sự chỉ huy của Putin. Cho nên khi nhắc đến Putin trong phát ngôn này, chúng ta quy chiếu đến toàn bộ lực lượng quân đội đã thực hiện cuộc tấn công vào Ukraina. Đây chính là phương thức tư duy hoán dụ ý niệm lấy người điều khiển thay cho cái bị điều khiển.

(5) Cơ quan thay cho người có trách nhiệm

Ví dụ: *Bệnh viện* phải chăm sóc bệnh nhân chu đáo.

Bệnh viện là sự định danh cho một cơ quan, trong đó có lực lượng y bác sĩ khám chữa cho người bệnh. Chúng ta quy chiếu chức năng, nhiệm vụ của các bác sĩ cho đơn vị cơ quan là bệnh viện. Phương thức tư duy này là hoán dụ ý niệm dựa trên sự chiếu xạ của hoán dụ ý niệm cơ quan thay cho người có trách nhiệm.

(6) Địa điểm thay cho cơ quan

Ví dụ: Muốn trở thành cô giáo thì đến học ở *136 Xuân Thủy, Cầu Giấy*.

136 Xuân Thủy là địa điểm, nơi tọa lạc của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Nhắc đến địa điểm này là chúng ta tri nhận ngay đến ngôi trường đại học có chức năng đào tạo nguồn giáo viên cho đất nước. Đây chính là phương thức tư duy hoán dụ ý niệm địa điểm thay cho cơ quan.

(7) Địa điểm thay cho sự kiện

Ví dụ: 80 tuổi thì là *mắm non của nghĩa địa* rồi.

Nghĩa địa là nơi dừng chân cuối cùng của đời người. Vì thế nhắc đến địa điểm này là tâm trí chúng ta quy chiếu ngay đến cái chết. Vậy đây là một phương thức tư duy hoán dụ ý niệm địa điểm thay cho sự kiện, lấy nghĩa địa để tri nhận thay cho cái chết trong đời người.

Những hoán dụ ý niệm này tồn tại trong tâm trí con người, nó là phương tiện giúp chúng ta tư duy về các sự kiện, hiện tượng trong cuộc sống. Không phải lúc nào bày

hoán dụ ý niệm trên cũng luôn xuất hiện trong mọi phát ngôn, chỉ khi nào các tín hiệu của đời sống tác động đến cơ thể sinh học, rồi hệ thống ý niệm của con người mới nói/viết thông qua phương thức tư duy phù hợp. Hoán dụ ý niệm là một con đường tri nhận của con người.

5. Hoán dụ ý niệm về sự sống bộ phận thay cho toàn thể

5.1. Cơ sở nghiệm thân của ý niệm sự sống

Nghiem thân là sự trải nghiệm của con người trong cuộc sống. Ý niệm sự sống là một trong những ý niệm thường trực trong tâm thức con người. Cơ sở nghiệm thân của ý niệm sống dựa trên các dấu hiệu sinh tồn. Trong trạng thái bình thường, sẽ có rất nhiều những biểu hiện của sự sống như nhiệt độ, nhịp thở, mạch, huyết áp, ô-xy trong máu, độ phản xạ của đồng tử với ánh sáng, màu sắc da, v.v.. Tuy nhiên, do đặc trưng của nhận thức chỉ lấy những nét tiêu biểu nhất tạo nên sự chiếu xạ, cho nên để nhận diện sự sống các dấu hiệu thường được đặt trong ranh giới với cái chết. Những tín hiệu có thể quan sát được bằng thị giác, thính giác hoặc xúc giác. Thông qua khảo sát tư liệu, có bốn tín hiệu sinh học cơ bản thường được dùng để tri nhận về hoạt động sống là hoạt động của tim, hoạt động hô hấp, hoạt động của mạch, phản xạ cơ thể. Hoạt động của tim có thể cảm nhận bằng thính giác, hoạt động hô hấp, phản xạ cơ thể có thể cảm nhận bằng thị giác, hoạt động của mạch có thể cảm nhận bằng xúc giác. Hơn nữa, từng tín hiệu này đều biểu hiện chức năng sống quan trọng của cơ thể, nếu những tín hiệu ấy dừng lại tức là cơ thể sinh học sẽ chết.

Thứ nhất là hoạt động của tim, trái tim chiếm vị trí trung tâm của hệ tuần hoàn. Biểu hiện hoạt động của tim thông qua nhịp đập, tim hoạt động thì cơ thể sống, ngừng hoạt động là đã chết. Chính nhờ tính chất

quan trọng đó mà hoạt động của tim trở thành một tín hiệu sinh tồn trong quá trình tri nhận.

Thứ hai là hoạt động hô hấp biểu hiện qua việc hít thở, thở biểu hiện của cơ thể sống. Yếu tố lần ranh giữa sự sống và cái chết trở thành một dụ dẫn hoán dụ để quy chiếu đến sự sống.

Thứ ba là mạch, mạch thuộc hoạt động của hệ tuần hoàn giống như tim. Thực tế là có sự co bóp của trái tim thì mới có sự vận động của mạch máu trong cơ thể. Tín hiệu này có thể dùng tay cảm nhận, nếu có mạch là sống, không thấy mạch là chết.

Thứ tư là phản xạ cơ thể, phản xạ cơ thể thuộc hệ thần kinh, nó được hiểu là những phản ứng có thể được đánh giá khách quan. Khi tỉnh táo, chúng ta luôn có những phản ứng trước các kích thích từ môi trường xung quanh, còn khi rơi vào hôn mê thì mất phản xạ. Dựa vào thực tế đó, hiện tượng phản xạ cơ thể trở thành một dấu hiệu quy chiếu đến sự sống.

Quá trình con người trải qua các giai đoạn của chu trình sinh, lão, bệnh, tử đã giúp sự tri nhận về sự sống và cái chết trở nên rõ ràng. Sự sống sẽ trở nên thiêng liêng khi nó đối lập với cái chết. Vậy cơ sở nghiệm thân về ý niệm sống có tính phổ quát. Trong quan niệm dân gian, trong văn hóa của người Việt, sự sống của con người là vô cùng ý nghĩa, có rất nhiều những câu thành ngữ, tục ngữ thể hiện quan điểm này, ví dụ như:

Một mặt người bằng mười mặt của
(Tục ngữ)

Người sống đồng vàng (Tục ngữ)

Có nghĩa là sự sống của con người quan trọng hơn bất kì thứ của cải quý giá nào trên đời. Nhấn mạnh ý nghĩa của sự sống tức là nhân dân ta tri nhận về giá trị của con người thông qua ý niệm của cải, vàng bạc. Trong câu nói trên, bản chất ý niệm sự sống được chiếu xạ thông qua thuộc tính quý giá của sự vật.

Sự tri nhận về ý niệm sống được thu nhận thông qua các giác quan của con người đó là sự quan sát của thị giác khi chứng kiến cái sự mong manh của giới hạn sinh – tử; là sự thu nhận của thính giác khi lắng nghe hơi thở, nhịp tim của cơ thể sống; sự cảm nhận về nỗi bất lực khi không thể níu giữ sự sống của người thân hay niềm hạnh phúc khi con người bước qua cửa tử trở về, v.v.. Tóm lại, cùng với thời gian, qua sự nghiệm thân, miền kinh nghiệm tri nhận về sự sống trở nên rõ ràng và cụ thể. Ý niệm về sự sống có tính nghiệm thân và tính phổ quát cao.

5.2. Kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát trên các trang báo điện tử đã cho thấy ý niệm về sự sống được tập trung trong hoán dụ ý niệm bộ phận thay cho toàn thể. Hoán dụ ý niệm này lấy các dấu hiệu để quy chiếu đến sự sống. Chẳng hạn lấy biểu hiện của nhịp tim đang đập để thay thế cho toàn bộ hoạt động sống của con người. Các biểu hiện của sự sống được diễn đạt qua ngôn ngữ bằng phương thức hoán dụ ý niệm. Sự thống kê các dụ dẫn hoán dụ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1: Bảng thống kê các dụ dẫn hoán dụ về sự sống

STT	Dụ dẫn hoán dụ (biểu thức ngôn từ hoán dụ)	Số lượng	Tỉ lệ %	Ví dụ
	Hoạt động của tim			
1	Tim đập	23	14,7%	Nhịp tim bắt đầu đập lại
2	Nhịp tim	20	12,8%	Tim đập trở lại

	Hoạt động hô hấp			
3	Thở	25	16,0%	Bệnh nhân thở lại
2	Hơi thở	24	15,4%	Đã thấy hơi thở rồi
4	Nhịp thở	11	7,0%	Lấy lại nhịp thở
	Hoạt động của mạch			
5	Mạch đập	18	11,5%	Mạch đã đập lại
6	Huyết áp	9	5,8%	Máu chảy trong cơ thể
7	Máu chảy	8	5,7%	Có huyết áp
	Phản xạ của cơ thể			
8	Phản xạ tay chân	11	7,0%	Tay chân có phản xạ
9	Tỉnh lại	7	4,5%	Tỉnh rồi
	Tổng số	156		

(Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên tư liệu)

Dụ dẫn hoán dụ là những biểu thức ngôn từ hoán dụ. Có nghĩa là trong phát ngôn, đó là những đơn vị ngôn ngữ biểu đạt hoán dụ ý niệm. Kết quả thống kê cho thấy hoạt động của tim có hai dụ dẫn hoán dụ, hoạt động hô hấp có ba dụ dẫn hoán dụ, hoạt động của mạch có ba dụ dẫn hoán dụ, phản xạ cơ thể có hai dụ dẫn hoán dụ, tổng số 9 dụ dẫn hoán dụ. Số lượng biểu thức ngôn từ biểu đạt sự sống tập trung nhiều nhất ở dấu hiệu hoạt động của tim, hoạt động hô hấp. Căn cứ vào kết quả khảo sát, có thể khái quát sơ đồ chiếu xạ của hoán dụ ý niệm chỉ sự sống bộ phận thay cho toàn thể như sau:

Bảng 2: Sơ đồ chiếu xạ về sự sống

BỘ PHẬN SỰ SỐNG	Chiếu xạ	TOÀN THỂ SỰ SỐNG
Hoạt động của tim	⇒	Sự sống sinh học
Hoạt động hô hấp		
Hoạt động của mạch		
Phản xạ của cơ thể		

(Nguồn: Tác giả khái quát dựa trên tư liệu)

Xét về nguyên tắc tư duy hoán dụ, những dấu hiệu nào thường đi liền với sự sống sẽ trở thành thuộc tính để tri nhận. Từng tia chiếu xạ biểu đạt đặc trưng trong cách tư duy của người Việt. Bởi vì trong rất nhiều các dấu hiệu của sự sống, tâm trí chúng ta sẽ lựa chọn những dấu hiệu điển hình nhất.

5.3. Dụ dẫn hoán dụ chỉ sự sống

5.3.1. Hoạt động của tim chiếu xạ đến sự sống

*** Dụ dẫn nhịp tim**

Trước hết, chúng ta tìm hiểu về hoán dụ ý niệm biểu đạt sự sống thông qua dụ dẫn chỉ hoạt động của tim. Trái tim là một cơ

quan giữ vai trò vô cùng quan trọng trong việc mang máu và oxy đi nuôi dưỡng cho toàn bộ cơ thể. Thông qua chức năng của tim mà ý niệm *tim đập* được dùng để biểu đạt cho sự sống trong thế đối lập với cái chết. Ví dụ như:

(1) Ép cho đến khi *tim đập lại* (tỉnh ra, *thở được*, có *mạch cổ đập*), hoặc cho đến khi nhân viên cứu hộ chuyên nghiệp đến (Cổng Thông tin Điện tử ngành Y tế Hà Tĩnh 2015).

Có thể diễn giải dụ dẫn này như sau:

Ép cho đến khi tim đập lại => Ép cho đến khi sống lại...

Vậy *tim đập lại* trong biểu thức ngôn từ này biểu đạt cho việc *sống lại*. Biểu thức ngôn từ này có hoán dụ kết hợp, nghĩa là có từ hai dụ dẫn hoán dụ trở lên. Các dụ dẫn hoán dụ đồng thời xuất hiện là *tỉnh ra*, *tim đập*, *thở được*, có *mạch cổ đập*. *Tỉnh* là trạng thái có dấu hiệu của nhận thức, *tim đập* là dấu hiệu hoạt động của hệ tuần hoàn, *thở* là dấu hiệu hoạt động của hệ hô hấp và *mạch cổ* là dấu hiệu hoạt động của hệ thống mạch máu trong cơ thể. Lấy những dấu hiệu sống để chiếu xạ đến sự sống là một phương thức tư duy hoán dụ điển hình. Nó dựa trên nguyên tắc tương cận trong hoán dụ ý niệm.

(2) Tường chừng thất bại thì phút 90, *nhịp tim của bệnh nhân bắt đầu đập lại* trong niềm vui vỡ òa của toàn thể ê kíp (A Lộc 2024).

(3) Ai ngờ đâu tới lúc định bỏ rồi thì *nhịp tim người này đập trở lại*, lúc đó anh em càng tập trung làm bác sĩ Trung kể lại (A Lộc 2024).

Nhịp tim của bệnh nhân bắt đầu đập lại và *nhịp tim người này đập trở lại* là hai dụ dẫn hoán dụ. *Nhịp tim đập lại* có nghĩa là kéo sự sống trở về. Ý niệm tim đập được đặt giữa ranh giới của sống và chết cho nên dấu hiệu sống trở nên vô cùng quý giá. Giữa hiện tượng có nhịp tim với sự sống có mối liên hệ tương cận bởi vì nó gắn liền với nhau và đi đôi với nhau. *Nhịp tim đập lại* chính là một hoán dụ ý niệm quy chiếu đến sự sống.

5.3.2. Hoạt động hô hấp chiếu xạ đến sự sống

* Dụ dẫn *thở*

Cơ thể sống phải có sự hô hấp. Vì vậy, trong tư duy hoán dụ, dấu hiệu hơi thở được dùng khá phổ biến. Dụ dẫn *hơi thở* còn được biểu đạt qua các ngôn từ là *thở*, *nhịp thở*. Khảo sát cho thấy chúng được sử dụng trong nhiều ngôn cảnh khác nhau. Hãy cùng xét các ví dụ sau:

(4) CPR cần được duy trì cho đến khi *bệnh nhân thở lại* hoặc khi đội cấp cứu chuyên nghiệp đến (Anh Thư 2017).

Thở là hoạt động đặc trưng của sự sống. *Bệnh nhân thở lại* tức là bệnh nhân sống lại. Đó là một dụ dẫn hoán dụ để tri nhận về phạm trù sống và chết. Dấu hiệu này được dùng trong nhiều trường hợp. Chẳng hạn như:

(5) “*Vợ còn thở* sao tôi có thể bỏ cuộc”, anh Đạt nhỏ giọng, dường như lời ấy cũng là để nói với bản thân mình. Anh không nỡ đưa vợ về chờ đợi cái chết đến gần, mà bản thân chưa “vẫy vùng” hết sức (Khánh Hòa 2022).

Tư duy hoán dụ trong ví dụ này là:

Vợ còn thở sao tôi có thể bỏ cuộc => Vợ còn sống sao tôi có thể bỏ cuộc.

Con đường chiếu xạ là lấy đặc điểm thay cho sự việc. Lấy một dấu hiệu điển hình là *thở* để tri nhận về toàn thể sự sống, cách tư duy này thường được sử dụng trong thế đối lập với hiện tượng “tắt thở”. Hơi thở còn tức là còn sống, khi ngừng thở nghĩa là con người sẽ chết. Cũng nhờ phương thức này mà tư duy về ý niệm sống trở nên mạch lạc hơn.

* Dụ dẫn *hơi thở*

(6) Vậy thì, còn sợ gì cái chết, còn ám ảnh gì căn bệnh quái ác kia, hãy làm hết những gì có thể, hãy cảm ơn đời khi *ta vẫn còn hơi thở* (Trần Trương Quỳnh Như 2019).

Tư duy hoán dụ ở đây là:

Hãy cảm ơn đời khi ta vẫn còn hơi thở => hãy cảm ơn đời khi ta vẫn còn sống.

Lấy dấu hiệu *hơi thở* để biểu đạt rằng chỉ cần còn sống là cần cảm ơn cuộc đời. Nhờ phương thức hoán dụ mà cách tư duy trở nên rất đẹp đẽ.

* Dụ dẫn *nhịp thở*

(7) Sau 15 phút cấp cứu ngừng tim ngừng thở, các bé *có tim* và *nhịp thở trở lại*, được đưa vào viện địa phương xử trí ban đầu và chuyển đến Bệnh viện Nhi Trung ương, vẫn trong tình trạng đồng tử giãn, hôn mê sâu (P.V. 2024).

Thở là hoạt động tự động và bắt buộc của con người. Nhịp thở là biểu hiện trực tiếp của sự sống. *Nhịp thở trở lại* có nghĩa là sự sống trở lại. Phương thức hoán dụ ý niệm đã tạo nên tính mạch lạc cho tư duy.

5.3.3. Hoạt động của mạch

* Dụ dẫn *mạch đập*

Hoạt động của mạch máu cũng là một trong những dấu hiệu tiêu biểu của sự sống. Cơ sở nghiệm thân của dụ dẫn này dựa trên chức năng của mạch máu. Hệ thống mạch máu trong cơ thể người là một phần của hệ tuần hoàn. Hoạt động của mạch máu có tác dụng duy trì sự sống, hỗ trợ chức năng của mọi tế bào và cơ quan trong cơ thể. Vì thế, sự vận hành của mạch là một thuộc tính chiếu xạ. Dụ dẫn hoán dụ thường gặp nhất là *mạch đập*, *mạch nhảy*, *huyết áp*, *máu chảy*. Hãy cùng xét những ví dụ sau:

(8) Một lúc sau, màu da của con sáng hơn, tôi sờ vào bẹn của cháu bé, bắt đầu tìm thấy *mạch nhảy*. Tôi vui mừng hô lên, *có mạch rồi, tim đập lại rồi*. Các bác sĩ lúc này bắt đầu lấy được ven của bệnh nhân. Thấy được *nhịp tim* của bé, tôi ngã quỵ vì kiệt sức chị Thảo nói. (Hoài Anh 2024).

Biểu thức ngôn từ trên là một hoán dụ kết hợp, các dụ dẫn là những dấu hiệu sinh học như *mạch nhảy*, *mạch đập*, *tim đập*. Tư duy hoán dụ trong biểu thức ngôn từ này như sau:

Thấy mạch nhảy => thấy sống lại

Có mạch rồi, tim đập rồi => sống rồi

Hàng loạt các dụ dẫn xuất hiện biểu đạt sự hồi sinh của cháu bé. Trong tâm thức của người Việt, những thứ thường đi đôi với nhau được gọi là quan hệ tương cận. Nếu ở trạng thái của sự sống thì cơ thể sẽ phải có nhịp tim, có mạch đập,...

Dựa vào nguyên tắc đi đôi và luôn luôn tương cận ấy mà hình thành nên một biểu thức ngôn từ hoán dụ ý niệm.

* Dụ dẫn *huyết áp*

Dụ dẫn huyết áp xuất phát từ sự vận động của mạch máu. Về bản chất, huyết áp là áp lực máu lên thành mạch. Đó là một áp lực cần thiết tác động lên thành động mạch nhằm đưa máu đến nuôi dưỡng các mô trong cơ thể. Do đó, ở trạng thái bình thường thì phải đo được huyết áp nếu không đo được là bất bình thường. Xuất phát từ thực tế đó mà dấu hiệu huyết áp cũng được sử dụng để nhận diện sự sống.

(9) Sau 15 – 20 phút, cụ ông bắt đầu có *mạch*, *huyết áp*, *nhịp thở trở lại*, sinh hiệu tạm ổn định (BVĐK Tâm Anh 2023).

Ví dụ này là hoán dụ ý niệm kết hợp gồm *có mạch*, *có huyết áp*, *có nhịp thở trở lại*. Sự cộng hưởng ba dấu hiệu đó là đặc điểm biểu hiện sự sống.

5.3.4. Phản xạ của cơ thể chiếu xạ đến sự sống

* Dụ dẫn phản xạ tay chân

Phản xạ cơ thể là biểu hiện tất yếu của sự sống. Ở trạng thái bình thường, các chi trong cơ thể sẽ luôn hoạt động, hoặc nếu có một tác động lực thì các chi sẽ có phản xạ nhất định. Trong tình trạng con người không còn ý thức, sẽ không có phản xạ. Vì thế, phản xạ các chi cũng được coi là dấu hiệu lâm sàng của sự sống. Dụ dẫn phản xạ tay chân có ý nghĩa khoa học như vậy.

(10) Sau khoảng 20 phút hồi sức liên tục, bệnh nhân có các dấu hiệu sống, có mạch đập lại, có huyết áp và tay chân có phản xạ (An Nhân 2020).

Biểu thức ngôn từ này là hoán dụ kết hợp. Có thể giải mã các dụ dẫn hoán dụ này như sau:

Mạch đập lại => sống lại

Có huyết áp => có sự sống

Tay chân có phản xạ => có ý thức lại, tay chân hoạt động rồi

Những tín hiệu sống trong ngôn cảnh cho biết các bác sĩ đã giành lại sự sống từ tay từ thần. Phương thức tri nhận này khá phổ biến

trong đời sống. Nhất là trong khoảnh khắc con người ta phải đối mặt với sinh tử.

** Dụ dẫn tỉnh*

(11) Sau 80 ngày nhập viện, bệnh nhân tỉnh lại với những dấu hiệu hồi phục thần kinh đáng kể như có ý thức, hiểu được tiếng Anh và có thể giơ tay phải, nắm tay,... (Thùy Dương 2024).

Tỉnh là trạng thái con người nhận thức được mọi thứ xung quanh mình. Nó đối lập với trạng thái hôn mê trong y học. Trong ví dụ trên, bệnh nhân tỉnh lại tức là bệnh nhân sống lại. Cách tri nhận này dựa trên phương thức hoán dụ, lấy một dấu hiệu là trạng thái tỉnh để quy chiếu đến sự sống của con người.

6. Kết luận

Hoán dụ ý niệm là một phương thức tư duy bên cạnh ẩn dụ ý niệm. Hai phạm trù sống - chết vốn dĩ tồn tại trong tâm trí con người bởi lẽ đó là những ý niệm có tính phổ quát. Hoán dụ ý niệm lấy bộ phận thay cho toàn thể về sự sống. Những dấu hiệu sống điển hình nhất thường được chúng ta tư duy cho chính sự sống là hoạt động của tim, hoạt động hô hấp, hoạt động của mạch, phản xạ cơ thể. Kết quả khảo sát là có 9 dụ dẫn hoán dụ trong 100 bài báo trên các trang báo điện tử của Việt Nam. Trong số các dụ dẫn trên, dụ dẫn hô hấp có số lượng nhiều hơn cả, sau đó là đến dụ dẫn hoạt động của tim, rồi mạch đập và cuối cùng là phản xạ cơ thể. Điều này hoàn toàn dễ hiểu bởi lẽ hoạt động của tim, hoạt động của hệ hô hấp là những dấu hiệu có thể quan sát được bằng các giác quan. Thính giác và xúc giác có thể cảm nhận nhịp tim ở lồng ngực, mạch đập ở mạch máu con người. Thị giác có thể nhìn thấy con người đang thở qua lồng ngực. Kết quả nghiên cứu này đã chứng minh rằng thực ra trong tâm trí của con người, các ý niệm được biểu đạt thông qua ngôn ngữ, mỗi ý niệm lại có cơ sở từ sự trải nghiệm của con người. Sự sống vốn quý giá, nó

càng trở nên giá trị khi đối diện với cái chết. Do đó, tìm hiểu về hoán dụ ý niệm biểu đạt sự sống là tìm hiểu về đặc trưng văn hóa dân tộc. Người Việt coi trọng sự sống, trân trọng con người hơn bất kì thứ vật chất nào. Trong tâm thức của người Việt, người còn sống mới quý giá. Chính vì thế phương thức tư duy hoán dụ về sự sống luôn thường trực trong đời sống con người.

Tài liệu trích dẫn

- A Lộc. 2024. “Hy hữu: Ngưng tim suốt thời gian cấp cứu, bắt ngờ tim đập lại ở phút 90”. *Báo điện tử Tuổi trẻ Online* (<https://tuoitre.vn/hy-huu-ngung-tim-suot-thoi-gian-cap-cuu-bat-ngo-tim-dap-lai-o-phut-90-20240222153330185.htm>). Truy cập tháng 12 năm 2024.
- An Nhân. 2020. “Người bệnh tim ngưng đập được bác sĩ cho “ngủ đông” cứu sống thần kỳ”. *Báo điện tử Lao Động* (<https://laodong.vn/suc-khoe/nguoi-benh-tim-ngung-dap-duoc-bac-si-cho-ngu-dong-cuu-song-than-ky-803590.lao>). Truy cập tháng 12 năm 2024.
- Anh Thư. 2017. “Làm sao cứu con hôn mê, ngưng thở?”. *Báo điện tử Người lao động* (<https://nld.com.vn/suc-khoe/lam-sao-cuu-con-hon-me-ngung-tho-20171009181623912.htm>). Truy cập tháng 12 năm 2024.
- Brdar Mario. 2018. *Metonymy and Word-Formation Their Interactions and Complementation*. Newcastle upon Tyne: Cambridge Scholars Publishing.
- BVĐK Tâm Anh. 2023. “Cân não cứu bệnh nhân ngưng tim, ngưng thở” (<https://tamanhhospital.vn/thanh-tuu/can-nao-cuu-benh-nhan-ngung-tim-ngung-tho/>). Truy cập tháng 12 năm 2024.
- Cổng Thông tin Điện tử ngành Y tế Hà Tĩnh. 2015. “Sơ cứu đúng chuẩn khi gặp người bị tai nạn giao thông” (<https://soyte.hatinh.gov.vn/tin-tuc-su-kien/pho-bien-kien-thuc/so-cuu-dung-chuan-khi-gap-nguoi-bi-tai-nan-giao-thong.html>). Truy cập tháng 12 năm 2024.

- Marianna Bolognesi, Mario Brdar and Kristina Despot (eds). 2019. *Metaphor and Metonymy in the Digital Age Theory and Methods for Building Repositories of Figurative Language*. Amsterdam: John Benjamins Publishing Company.
- Hoài Anh. 2024. “Nữ điều dưỡng cấp cứu em bé bị sặc sữa: ‘Thấy nhịp tim của con, tôi ngã quỵ’”. Báo điện tử Vietnamnet (<https://vietnamnet.vn/nu-dieu-duong-ke-lai-qua-trinh-cang-thang-cap-cuu-be-so-sinh-tren-xe-taxi-2301538.html>). Truy cập tháng 12 năm 2024.
- Kövecses Zoltán. 2002. *Metaphor: A practical introduction*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Kovecses Zoltán. 2010. *Metaphor_A Practical Introduction*. Oxford: Oxford University Press.
- Khánh Hòa. 2022. “Vợ còn thờ, tôi sao có thể bỏ cuộc?”. Báo điện tử Vietnamnet (<https://vietnamnet.vn/vo-con-tho-toi-sao-co-the-bo-cuoc-2055280.html>). Truy cập tháng 12 năm 2024.
- Lakoff George et al. 1980. *Metaphor we live by*. Chicago: Chicago University of Chicago Press.
- Lê Cao Thắng. 2017. “Ánh xạ ẩn dụ, hoán dụ của phạm trù màu sắc đến phạm trù con người trong tiếng Việt”. Tạp chí *Khoa học Đại học Sài Gòn* 27 (52): 121-131.
- Lê Thị Thanh Nhân. 2017. “Hoán dụ ý niệm bộ phận cơ thể người biểu trưng cho tính cách và tư duy trong tục ngữ tiếng Hán”. *Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities* 126(6B) 29-39.
- Littlemore Jeannette. 2015. *Metonymy*: Cambridge University Press.
- Lý Toàn Thắng. 2005. *Ngôn ngữ học tri nhận Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Matzner Sebastian. 2016. *Rethinking Metonymy Literary Theory and Poetic Practice from Pindar to Jakobson*. Oxford: Oxford University Press.
- Nguyễn Ngọc Vũ. 2008. “Hoán dụ ý niệm “bộ phận cơ thể người biểu trưng cho kỹ năng” trong thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt”. Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Sư phạm* 15: 76-83.
- Nguyễn Ngọc Vũ. 2009. “Hoán dụ ý niệm bộ phận cơ thể người biểu trưng cho tâm trạng, tình cảm trong thành ngữ chứa yếu tố “đầu”, “mặt”, “mắt” trong tiếng Anh và tiếng Việt”. Tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống* 10 (168): 19-24.
- Nguyễn Thị Hiền. 2017. *Sơ sánh ẩn dụ ý niệm và hoán dụ ý niệm (Trên ngữ liệu miền ý niệm bộ phận cơ thể người trong tiếng Việt)*: Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc “Nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới và hội nhập”. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- P.V. 2024. “Liên tiếp 3 trẻ đuối nước nghiêm trọng”. (<https://vtv.vn/suc-khoe/lien-tiep-3-tre-duoi-nuoc-nghiem-trong-20240426162722506.htm>). Truy cập tháng 12 năm 2024.
- Pörings Ralf, René Dirven. 2003. *Metaphor and Metonymy in Comparison and Contrast*. Berlin: Mouton de Gruyter.
- Phạm Thị Hương Quỳnh, Trần Thị Bích Lan. 2024. “Conceptual Metonymy of COVID-19 Pandemic in Vietnam’s Online Newspapers”. *Theory and Practice in Language Studies* 14(6): 1723-1729.
- Phạm Thị Hương Quỳnh. 2021. “Hoán dụ ý niệm về cái chết”. Tạp chí *Nhân lực Khoa học xã hội* 10: 119-126.
- Phan Thị Hồng Hà. 2020. *Ẩn dụ ý niệm và hoán dụ ý niệm về cảm xúc yêu trong tiếng Hàn đối chiếu với tiếng Việt (trên cứu liệu lời thoại phim truyền hình)*. Luận án Tiến sĩ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh.
- Radden-Kovecses Günter. 1999. “Toward a theory of metonymy”. Pp. 17-60 in *Metonymy in Language and Thought*. Editor Klaus-Uwe Panther. Amsterdam: J. Benjamins Pub..
- Sharafi Al et al. 2004. *Textual metonymy*. London: Palgrave Macmillan.

- Thùy Dương. 2024. “Một bệnh nhân hồi phục diệu kỳ sau 80 ngày sống thực vật” (<https://tuoitre.vn/mot-benh-nhan-hoi-phuc-dieu-ky-sau-80-ngay-song-thuc-vat-20241031101731286.htm>). Truy cập tháng 12 năm 2024.
- Trần Trung Hiếu. 2012. “Hoán dụ ý niệm trong kết cấu x (vị từ) + “mặt” trong tiếng Việt dưới góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận”. *Tạp chí Khoa học* (41): 98-104.
- Trần Trương Quỳnh Như. 2019. “Khi hơi thở hóa thành không” (Paul Kalanithi) – cách sống và cách chết (<https://chuyennguyenthienthanh.edu.vn/loi-co-hoa/khac/khi-hoi-tho-hoa-thinh-khong-paul-kalanithi-cach-song-va-cach-chet>). Truy cập tháng 12 năm 2024.
- Trần Văn Cơ. 2011. *Ngôn ngữ học tri nhận Từ điển tường giải và đối chiếu*. Hà Nội: Nhà xuất bản Phương Đông.
- Wachowski Wojciech. 2019. *Towards a Better Understanding of Metonymy*. Oxford & New York: Peter Lang.